

CẤU TRÚC MẠN ĐÀ LA NGŨ TRÍ NHƯ LẠI

Biên soạn: Trần Ngọc Nguyên



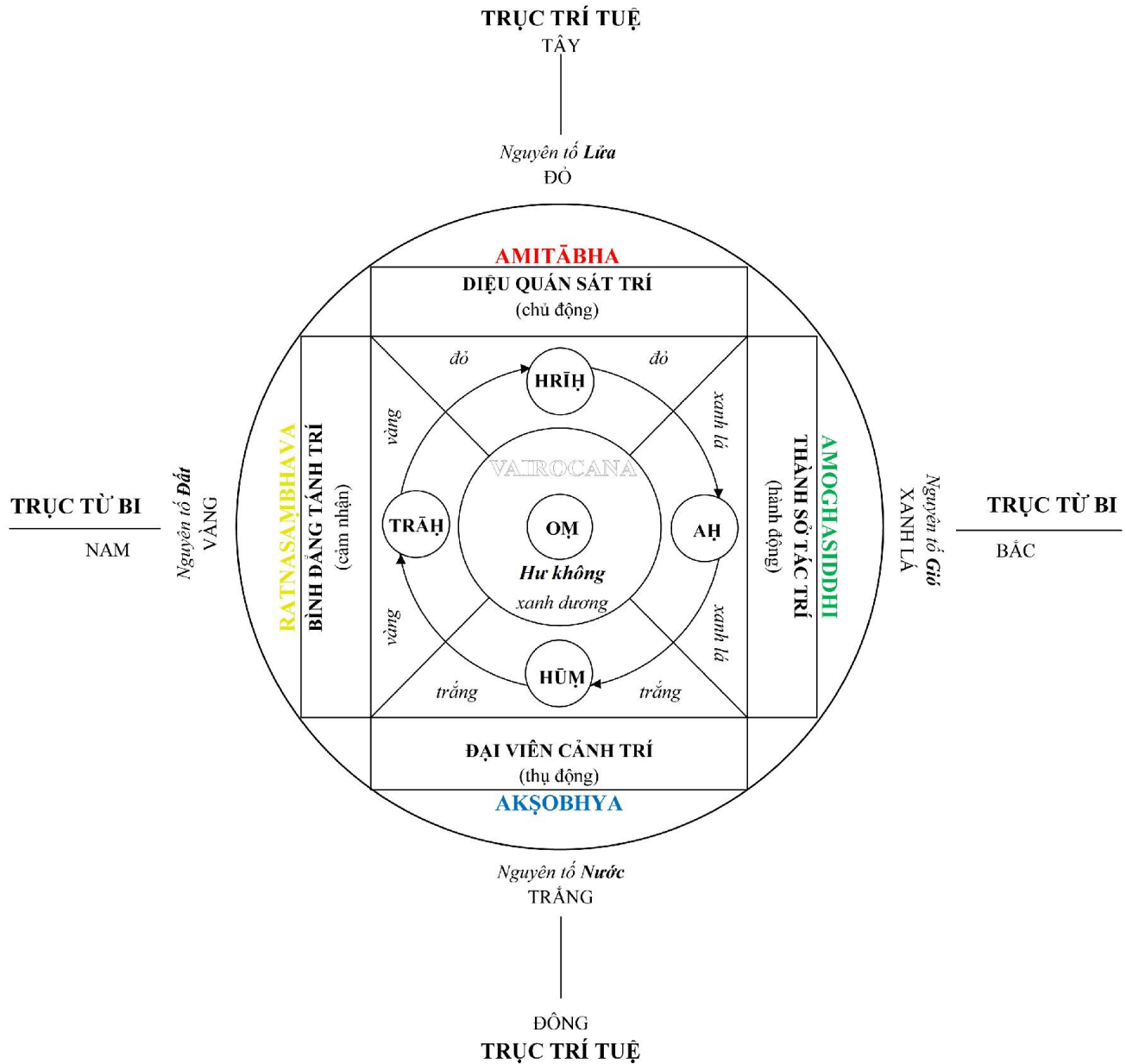
Trong Phật giáo Mật Tông, **Kim Cang Giới Ngũ Trí Như Lai**, **Ngũ Thiên Phật**, **Ngũ Phương Phật** hay **Ngũ Thắng Giả** (Jina) được đại diện cho 5 tính chất trí tuệ của chư Phật, thường xuất hiện trong các **Mạn đà la** (Maṇḍala) của Kim Cang Thừa. Năm vị Phật này là đối tượng chính để quán chiếu và thiền định đạt đến Giác Ngộ.

Ngũ Trí Phật được phát triển dựa trên sự thực hành Thiền quán về các đề mục liên quan đến Trí Tuệ của chư Phật. Trong **Tam Thân**, đây là những dạng biểu trưng của Pháp Thân, là hiện thân của giác ngộ cơ bản trong Phật Giáo.

Ban đầu, hai Đức Phật đại diện cho Trí Tuệ và Từ Bi là: **A Súc Bệ** (Akṣobhya) và **A Di Đà** (Amitābha). Về sau được chia ra để thể hiện cho các khía cạnh về *Năng Lực* hay Hành Động và *Sắc Đẹp* hay Sự Giàu Có về Tâm Thức. Trong **Kinh Kim Quang Minh**, hai phương diện này được xuất hiện với danh hiệu là **Cổ Âm** (Duṇḍubhisvara) và **Bảo Tướng** (Ratna-ketuna), nhưng về sau được đổi lại thành **Bất Không Thành Tựu** (Amoghasiddhi) và **Bảo Sanh** (Ratna-sambhava). Ở trung tâm là **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana).

Trong Mạn đà la, mỗi vị Phật sẽ có một màu sắc, tính chất, biểu trưng riêng và tương ứng với một phương hướng khác nhau. Trong một số trường hợp, Bất Động và Đại Nhật có thể hoán đổi cho nhau.

❖ Sau đây là cấu trúc của Mạn đà la Ngũ Trí Như Lai:



❖ Một số tính chất của Mạn đà la Ngũ Trí:

Danh hiệu	ĐẠI NHẬT	BÁT ĐỘNG	BẢO SANH	A DI ĐÀ	BẤT KHÔNG THÀNH TỰU
Phạn âm	Vairocana	Akṣobhya	Ratnasambhava	Amitābha	Amoghasiddhi
Bộ Tộc (Kulāya)	Như Lai (Tathāgata)	Kim Cang (Vajra)	Bảo (Maṇi)	Liên Hoa (Padma)	Nghiệp Dụng (Karma)
Màu sắc	Trắng	Xanh dương	Vàng	Đỏ	Xanh lá
Hào quang	Xanh dương	Trắng	Vàng	Đỏ	Xanh lá
Pháp khí	Pháp luân (Dharma-cakra)	Chày Kim Cang (Vajra)	Ngọc báu (Maṇi)	Hoa sen (Padma)	Chày Kim Cang chữ Thập (Viśva-vajra)
Vật cưỡi	Rồng/Sư tử	Voi	Ngựa	Chim Công	Kim Sí Điểu (Garuḍa)
Hướng	Trung tâm	Đông	Nam	Tây	Bắc
Ấn (Mudra)	Chuyển Pháp Luân ấn	Xúc địa ấn (Bhūmiśarśa)	Dữ nguyện ấn (Varada)	Di Đà Định ấn (Dhyāna)	Thí vô úy ấn (Abhaya-dāna)
Trí (Jñāna)	Pháp Giới Thế Tánh Trí	Đại Viên Cảnh Trí	Bình Đẳng Tánh Trí	Diệu Quán Sát Trí	Thành Sở Tác Trí
Phật Mẫu	Hư Không Nhân	Kiến Tính Mẫu (Locana)	Từ Bi Mẫu (Māmaki)	Bạch Y Mẫu (Pāṇḍara-vāsini)	Đa La (Tārā)
Bồ Tát	Phổ Hiền (Samantabhadra)	Kim Cang Thủ (Vajrapāṇi)	Bảo Thủ (Ratnapāṇi)	Quán Tự Tại (Avalokiteśvara)	Tác Biến Thủ (Viśvapāṇi)
Tịnh Độ	Akaniṣṭha Ghanavyūha	Abhirati	Śrīmat	Sukhāvati	Prakūṭa
Chủng tử (Bija)	OM ॐ	HŪM ॐ	TRĀḤ ॐ	HRĪḤ ॐ	AḤ ॐ
Biểu trưng	Tối cao	Kiên định	Từ bi	Ánh sáng (Trí tuệ)	Dũng mãnh
Uẩn (Skandha)	Thức (Vijñāna)	Sắc (Rūpa)	Thọ (Vedanā)	Tưởng (Samjñā)	Hành (Samskārā)
Tịnh hóa	Si	Sân	Tham	Nghi	Mạn
Giác quan	Nhìn	Nghe	Ngửi	Ném	Chạm
Nguyên tố	Không	Thủy	Địa	Hỏa	Phong

• **ĐẠI VIÊN CẢNH TRÍ** (Ādarśa-jñāna) hay **Đại Viên Kính Trí** là một trong 4 Trí của đức Phật, chỉ Trí Tuệ của đức Phật có thể ánh hiện một cách như thật tất cả các pháp. Giống như cái gương tròn lớn, loại Trí Tuệ này trong sạch, tròn đầy, có thể phản chiếu tất cả hình tượng. Mật Giáo còn gọi là **Kim Cang Trí** (Vajra-jñāna).

Theo **Duy Thức Tông**, sau khi thành Phật, phiền não chuyển biến thành Trí Tuệ. Trí Tuệ Phật này được chia thành 4 loại, trong đó: loại thứ tư tức là **A Lại Da Thức** (Ālaya-vijñāna) sẽ chuyển biến thành **Thanh Tịnh Trí**, tức **Đại Viên Kính Trí** này.

Trong **Bát Thức Quy Củ Tụng** có giải thích rằng trong khoảng sát na, dứt bỏ vĩnh viễn các **chủng tử** (hạt giống) của hai chướng ngại trên đời, chuyển **Thức Thứ Tám** thành **Đại Viên Kính Trí**; lúc bấy giờ bỏ đi tên gọi **Đị Thục**, mà gọi là **A Đà Na Thức**.

Hay như trong **Nhân Thiên Nhân Mục** quyển 5 cũng có đoạn: Phật chuyển **Tám Thức** thành **Bốn Trí**, dùng Thức Thứ Tám làm **Đại Viên Kính Trí**, Thức Thứ Bảy làm **Bình Đẳng Tánh Trí**, Thức Thứ Sáu làm **Diệu Quan Sát Trí**, và năm thức trước làm **Thành Sở Tác Trí**.

• **BÌNH ĐẲNG TÍNH TRÍ** (Samatā-jñāna), cũng gọi **Bình Đẳng Trí**. Chỉ cho Trí biết rõ ta_người bình đẳng. Tức là Trí Tuệ do chuyển **Thức Mạt Na** thứ bảy mà có được. Nhờ Trí này mà biết rõ hết thấy sự tương và ta_người đều bình đẳng, do đó nảy sinh lòng **Đại Từ Bi** (Mahā-karuṇā).

Luận Phật Địa quyển 3 nói rằng: **Bình Đẳng Tính Trí** là trí quán xét ta_người tất cả đều bình đẳng, đại từ đại bi thường hằng khế hợp với nhau, không lúc nào gián đoạn, cho nên kiến lập cõi Phật **Vô Trụ Niết Bàn** (cõi Niết bàn không trụ nơi sống chết, cũng không trụ nơi Niết bàn), mà tùy theo sự ưa thích của hữu tình, thị hiện các thứ hình bóng của **Tự thụ dụng thân** (Svasaṃbhoga-dharma-kāya), **Tha thụ dụng thân** (Parasaṃbhoga-dharma-kāya) và **Tự thụ dụng độ**, **Tha thụ dụng độ** v.v... Đối với hàng **Bồ tát sơ địa** trở lên, thị hiện **Tha thụ dụng thân**, **Tha thụ dụng độ**, thường làm các việc giáo hóa lợi ích với tâm Đại Từ Đại Bi.

Kinh Tâm Địa Quán quyển 2 nói: **Bình Đẳng Tính Trí** là do chuyển **thức chấp** có ta mà được; là vì trí tuệ này đã chứng ngộ tính của hai Vô Ngã (**Nhân Vô Ngã**, **Pháp Vô Ngã**) và thấy rõ lý ta_người bình đẳng. Ngoài ra, **Bình Đẳng Tính Trí** còn được gọi là **Quán Đỉnh Trí**, là Trí của đức **Phật Bảo Sinh** ở phương nam trong năm Trí do Mật giáo kiến lập.

Bí Tạng Kí quyển thượng phần đầu nói: **Bình Đẳng Tính Trí** là nước trí trong sạch, vì không phân biệt hữu tình_phi tình, vì kia_đây như nhau, vì thường còn chẳng biến đổi.

• **DIỆU QUAN SÁT TRÍ** (Pratyavekṣaṇa-jñāna) là Trí khéo léo xem xét các Pháp rồi diễn nói một cách tự tại. Trí này do chuyển **Thức Thứ Sáu** (Ý Thức) mà thành và được phối với **Liên Hoa Bộ**,

lấy **A Di Đà Như Lai** làm vị tôn chủ. Lại vì Trí này biện biệt rõ tà chính, cho nên nếu phối hợp với năm Đại, thì phải phối với **Hỏa Đại** *.

Phật Quang Đại Từ Điển* viết là “Thủy Đại**”.

• **THÀNH SỞ TÁC TRÍ** (Kṛtyānuṣṭhāna-jñāna) cũng gọi **Tác Sự Trí**. Chỉ cho Trí Tuệ do chuyển **5 Thức** (thức mắt, thức tai, thức mũi, thức lưỡi, thức thân) mà có được. Vì 2 cái lợi là **Tự Chứng** và **Hóa Tha** mà làm nên gọi là **Sở Tác**, vì **Diệu Nghiệp Đại Bi** tùy loại ứng đồng đều được thành tựu nên gọi là **Thành**. Đức **Như Lai Bất Không Thành Tựu** được phối hợp với Trí này.

• Khi đã chuyển hóa **Tám Thức** thành **Tứ Trí** rồi thì sẽ hiện lộ **Thức Thứ Chín**, và chuyển hóa **Thức Vô Cấu** (Amala-vijñāna) này sẽ thành **PHÁP GIỚI THỂ TÁNH TRÍ** (Dharma-dhātu-svabhāva-jñāna), được biểu hiện bởi **Đức Đại Nhật Như Lai**.

Trong các phương pháp tu tập của Phật giáo nói chung và Mật giáo nói riêng, đều sử dụng các nguồn năng lượng sẵn có của một chúng sinh để tu tập. Thay vì đưa tới những tính như **Tham** (ham muốn), **Sân** (sân hận, nóng giận), **Si** (ngu mê), **Mạn** (ngã mạn, tự kiêu), **Nghi** (nghi ngờ)... thì chuyển hóa thành sự **Thanh Tịnh**, **Từ Bi** và các loại **Trí Tuệ**.

❖ Ghi nhận Chân Ngôn của Ngũ Trí Phật siêng năng trì tụng hay thành tựu tất cả sự nghiệp, Nhất Thiết Chúng Trí, tất cả Công Đức, khi chết thời chứng Ngũ Trí Phật.

_Ngũ Phương Phật Tâm Chú:

OM HŪṂ TRĀḤ HRĪḤ AḤ

_Tỳ Lô Giá Na Phật Tâm Chú:

OM ĀḤ JINA-JIK OM HŪṂ

_A Súc Phật Tâm Chú:

OM ĀḤ VAJRA-DHRIK HŪṂ HŪṂ

_Bảo Sinh Phật Tâm Chú:

OM ĀḤ RATNA-DHRIK SVĀ HŪṂ

_A Di Đà Phật Tâm Chú:

OM ĀḤ AROLIK A HŪṂ

_Bất Không Thành Tựu Phật Tâm Chú:

OM ĀḤ PRAJÑA-DHRIK HĀ HŪṂ

Tham khảo:

<http://www.wikipedia.org>

Từ điển Phật Học Tinh Tuyển – Thích Nguyên Tâm

Phật Quang Đại Từ Điển – HT Thích Quảng Độ dịch

Chư Phật Bồ Tát Tâm Chú Đại Toàn – Huyền Thanh dịch